TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN LÊ CHÂN** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số:53 /2019/HNGĐ-ST Ngày 29 -11-2019 V/v tranh chấp ly hôn,nuôi con	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN LÊ CHÂN - THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hải Yến

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Hà Thị Nga

Bà Nguyễn Thị Mai

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Tuấn Anh - Thư ký Tòa án nhân dân Quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận Lê Chân tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Thư - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận Lê Chân,thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 520/2019/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 10 năm 2019 về tranh chấp ly hôn, nuôi con, chia tài sản khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 623/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 11 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 668/2019/QĐST-HNGĐ ngày 22 tháng 11 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Trần Thanh B; nơi cư trú: Đường H, phường H, quận L, thành phố Hải Phòng; có mặt.

2. Bị đơn: Bà Tống Thị Bích T; nơi cư trú: Đường H, phường H, quận L, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 21 tháng 8 năm 2019, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Trần Thanh B trình bày: Ông Trần Thanh B và bà Tống Thị Bích T xây dựng gia đình với nhau trên cơ sở tự nguyện, tự tìm hiểu có đăng ký kết hôn tại UBND phường Hàng Kênh, Quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng ngày 02/4/2001.

Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận đến năm 2010 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do bà T cờ bạc, chơi bời, vay nợ nhiều nơi, thường xuyên đi sớm về muộn. Mặt khác ông B nghi ngờ bà T có quan hệ bất chính với người đàn ông khác. Gia đình đã nhiều lần động viên hòa giải cho hai vợ chồng nhưng không

có kết quả. Do mâu thuẫn trầm trọng nên vợ chồng đã sống ly thân với nhau từ năm 2011, tuy ở cùng một nhà nhưng không có sự quan tâm đến nhau. Nay ông B xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng, cuộc sống giữa ông B và bà T không thể tiếp tục duy trì được nữa nên ông B đề nghị Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà T.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Trần Trung K, sinh ngày 25/9/200X và Trần Đức M, sinh ngày 14/01/200Y, hiện nay con lớn Trần Trung K đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ông B có nguyện vọng được nuôi con chung là Trần Đức M, vì bà T hay đi sớm về muộn, kinh tế không rõ ràng nên không có đủ khả năng nuôi con. Việc cấp dưỡng nuôi con ông B sẽ tự giải quyết với bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Ông B không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án và triệu tập bà T đến Tòa án làm việc vào các ngày 22/10/2019 và ngày 28/10/2019; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho bà Tống Thị Bích T, nhưng bà T không đến Tòa án làm việc và cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không cung cấp chứng cứ, không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ vào ngày 06/11/2019.

Tòa án đã tiến hành mời đại diện gia đình ông B và bà T đến Tòa án làm việc, mặc dù đã nhận được giấy mời hợp lệ nhưng gia đình bà T không đến Tòa án. Tại biên bản làm việc với đại diện gia đình ông B và đại diện chính quyền địa phương nơi ông B và bà T sinh sống thể hiện: Ông B và bà T xây dựng gia đình với nhau và có đăng ký kết hôn tại UBND phường Hàng Kênh, Quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng. Quá trình chung sống hai bên có ở tại số nhà 9/154/173 Hàng Kênh, phường Hàng Kênh, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng. Vợ chồng ông B và bà T có mâu thuẫn, đã rất nhiều lần chính quyền địa phương cũng như gia đình đã phải tiến hành hòa giải mâu thuẫn cho hai vợ chồng và xuất phát chủ yếu là vẫn đề kinh tế, bà T vay nợ nhiều nơi. Nay ông B có đơn xin ly hôn đề nghị Tòa án căn cứ vào mâu thuẫn của ông B và bà T cũng như các quy định của pháp luật để giải quyết.

Về con chung: Ông B và bà T có 02 con chung là Trần Trung K, sinh ngày 25/9/200X và Trần Đức M, sinh ngày 14/01/200Y. Đến nay cháu Trần Trung K đã trưởng thành , đối với cháuTrần Đức M đề nghị Tòa án căn cứ vào nguyện vọng của cháu cũng như các điều kiện của ông B và bà T về việc nuôi cháu để giải quyết đảm bảo quyền lợi tốt nhất cho cháu M. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con là việc của hai vợ chồng nên đại diện chính quyền địa phương cũng như gia đình không có ý kiến gì.

Về tài sản chung của ông B và bà T: Đại diện gia đình ông B và đại diện chính quyền địa phương không có ý kiến gì vì đây là vấn đề cá nhân, riêng tư.

Tại phiên tòa đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận Lê Chân phát biểu ý kiến: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến thời điểm xét xử thấy

rằng, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật; bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Ông B và bà T lấy nhau có đăng ký kết hôn vì vậy là hôn nhân hợp pháp.Trong quá trình chung sống vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, không có khả năng đoàn tụ, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần xử cho ông B được ly hôn bà T theo quy định tại Điều 51; Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Vợ chồng ông B và bà T có 02 con chung là Trần Trung K, sinh ngày 25/9/200X và Trần Đức M, sinh ngày 14/01/200Y, nay cháu K đã trưởng thành ông B không đề nghị Tòa án giải quyết nên không đề nghị HĐXX xem xét giải quyết. Ông B đề nghị xin được trực tiếp nuôi con Trần Đức M, đồng thời cháu M có nguyện vọng xin được ở với bố. Căn cứ vào quá trình thu thập chứng cứ, đồng thời bà T cũng không có quan điểm về vấn đề con chung khi vợ chồng ly hôn. Do vậy đề nghị Hội đồng xét xử giao con cho ông B trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Không xem xét về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con của ông B và bà T.

Về tài sản chung: Ông B không có yêu cầu nên đề nghị HĐXX không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về thủ tục tố tụng:

[1] Theo đơn khởi kiện xin ly hôn của ông Trần Thanh B, bị đơn bà Tống Thị Bích có nơi cư trú tại số 9/154/173 Hàng Kênh, phường Hàng Kênh, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng.

[2] Bị đơn bà Tống Thị Bích T vắng mặt tại phiên tòa lần thứ nhất và đã được tống đạt hợp lệ Quyết định hoãn phiên tòa nhưng vẫn không có mặt, do vậy HĐXX căn cứ vào quy định tại khoản 2 Điều 227; Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà Tống Thị Bích T.

- Về quan hệ hôn nhân:

[3] Việc kết hôn giữa ông B và bà T tuân thủ đúng quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình nên là hôn nhân hợp pháp.

[4] Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ bà Tống Thị Bích T đến Tòa án làm việc nhưng bà T đều không đến để tham gia giải quyết vụ án và cũng không có ý kiến trình bày về quan điểm của mình, qua đó cho thấy bà T cũng không còn tha thiết níu kéo tình cảm với ông B. Đồng thời qua các tài liệu xác minh thu thập chứng cứ đã xác nhận ông B và bà T có mâu thuẫn,

hai bên đã sống ly thân nhau từ năm 2011 cho đến nay, không còn sự chia sẻ, quan tâm đến nhau.Do vậy Hội đồng xét xử xét thấy tình cảm vợ chồng giữa ông B và bà T trên thực tế đã không còn, mâu thuẫn thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Bởi vậy, yêu cầu của ông B được ly hôn với bà T là hoàn toàn chính đáng, phù hợp với thực tế và phù hợp với các quy định tại Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên cần được chấp nhận.

- Về con chung:

[5] Ông B và bà T có 02 con chung là Trần Trung K, sinh ngày 25/9/200X và Trần Đức M, sinh ngày 14/01/200Y hiện cháu K đã trưởng thành, ông B không yêu cầu Tòa án giải quyết do vậy HĐXX không xem xét. Quá trình giải quyết vụ án, tiến hành xác minh thể hiện bà T có sinh hoạt thất thường, hơn nữa cháu Trần Đức M có đơn đề nghị trình bày nguyện vọng tại Tòa án là xin được ở cùng với bố. Vì vậy HĐXX xét thấy giao con chung Trần Đức M cho ông B nuôi dưỡng chăm sóc là phù hợp với điều kiện thực tế và phù hợp với quy định tại Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[6] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ông B không yêu cầu Tòa án giải quyết và bà T cũng không có ý kiến gì nên HĐXX không đặt ra vấn đề giải quyết.

[7] Về tài sản chung: Ông B không yêu cầu nên HĐXX không xét giải quyết.

[8] Về án phí: Ông Trần Thanh B phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 51, 56; 81; 82; 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227; Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa ông Trần Thanh B và bà Tống Thị Bích T.

2. Về nuôi con chung: Giao con chung Trần Đức M, sinh ngày 14/01/200Y cho ông B trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về án phí: Ông Trần Thanh B phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. Số tiền trên ông B đã nộp đủ tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số 0013556 ngày 01 tháng 10 năm 2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự Quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng.

- Về quyền kháng cáo:

Ông Trần Thanh B có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bà Tống Thị Bích T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7,7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND quận Lê Chân;
- UBND phường Hàng Kênh, Quận Lê Chân, Hải Phòng (GCNKH 02/4/2001);
- Chi cục thi hành án dân sự quận Lê Chân;
- Lưu: HS, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Lê Thị Hải Yến